

**KHẢO SÁT KIẾN THỨC VIỆC SỬ DỤNG CÁC SẢN PHẨM
CHĂM SÓC RĂNG MIỆNG VÀ CÁC YẾU TỐ LIÊN QUAN
CỦA SINH VIÊN RĂNG HÀM MẶT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022 – 2023**

Lê Thanh Ngân, Nguyễn Đình Nam Hưng, Nguyễn Hải Yến Phương,
Lê Thị Cẩm Tiên, Phan Nguyễn Hải Trân, Biện Thị Bích Ngân*

Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

**Email: 2053020063@student.ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 18/10/2023

Ngày phản biện: 08/01/2024

Ngày duyệt đăng: 25/01/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Hiểu biết về kiến thức sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng và lựa chọn được sản phẩm phù hợp là mối quan tâm của nhiều sinh viên, đặc biệt là nhóm sinh viên khoa Răng Hàm Mặt các năm đầu. **Mục tiêu nghiên cứu:** 1) Đánh giá kiến thức về các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt ba năm đầu Trường Đại học Y Dược Cần Thơ niên khóa 2022 – 2023. 2) Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt ba năm đầu Trường Đại học Y Dược Cần Thơ niên khóa 2022 – 2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích, với 400 sinh viên ba năm đầu niên khóa 2022 – 2023 khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược Cần Thơ. Các thông tin được thu thập qua phỏng vấn bằng biểu mẫu khảo sát gửi qua tài khoản email cá nhân. **Kết quả:** Tỷ lệ sinh viên có kiến thức về việc sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng ở mức trung bình tương đối cao là 54,5% sinh viên. Sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các sinh viên đạt mức độ kiến thức tốt với 63%. Về khảo sát mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan, nhóm yếu tố mang tính thương mại có tác động nhiều đến lựa chọn sử dụng sản phẩm của các sinh viên. **Kết luận:** Đa số các sinh viên có kiến thức cơ bản nhưng chưa thật sự nắm vững về các sản phẩm chăm sóc răng miệng thông dụng. Các yếu tố chủ yếu chi phối việc lựa chọn sản phẩm của các sinh viên là nhóm mang tính thương mại.

Từ khóa: Vệ sinh răng miệng, sản phẩm chăm sóc răng miệng, kiến thức về sản phẩm chăm sóc răng miệng, lựa chọn sản phẩm chăm sóc răng miệng.

ABSTRACT

**SURVEY ON KNOWLEDGE OF USING ORAL HYGIENE PRODUCTS
AND RELATED FACTORS OF DENTAL STUDENTS
AT CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY
IN 2022 – 2023**

Le Thanh Ngan, Nguyen Dinh Nam Hung, Nguyen Hai Yen Phuong,
Le Thi Cam Tien, Phan Nguyen Hai Tran, Bien Thi Bich Ngan*

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: Understanding knowledge of using oral hygiene products and choosing appropriate items are concerns of many students, especially the first three years students in major of Dental. **Objectives:** 1) Evaluating knowledge of oral hygiene products of the first three years Dental students, Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022 – 2023. 2) Determining the level of influence of factors related to the choice of oral hygiene products of the first three years Dental students, Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022 – 2023. **Materials and methods:** A cross-sectional descriptive study with analysis of 400 first-three-years Dental students

at Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022 – 2023. Information were identified through interviews using survey form via personal email account. **Results:** The percentage of students with average knowledge about using oral hygiene products was relatively high, which was 54.5% of students. The third-year students accounted for the highest proportion of the totals achieving good knowledge with 63%. In terms of the influence of relevant factors, the group of commercial factors had a great impact on students' choice of oral hygiene products. **Conclusions:** Most students had basic knowledge but did not understand thoroughly about common oral hygiene products. The main factors that governed students' choice were commercial groups.

Keywords: Oral hygiene, oral hygiene products, knowledge of oral hygiene products, choosing oral hygiene products.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Chăm sóc và vệ sinh răng miệng là nhu cầu ngày càng được chú trọng trên khắp thế giới và ở Việt Nam [1]. Một trong những phương pháp tốt nhất để cải thiện vệ sinh răng miệng là cải thiện kiến thức và thực hành, có thể đạt được với sự trợ giúp của các sản phẩm chăm sóc răng miệng [2] [3].

Sản phẩm chăm sóc răng miệng là những sản phẩm dùng để làm sạch khoang miệng, làm hơi thở thơm mát và giữ vệ sinh răng miệng tốt [4]. Trên thị trường có rất nhiều loại sản phẩm chăm sóc răng miệng bao gồm bàn chải đánh răng, kem đánh răng, nước súc miệng và chỉ nha khoa. Nghiên cứu của Trịnh Minh Báu và cộng sự (2021) đã chỉ ra mối liên quan giữa tỷ lệ sâu răng và số lần chải răng, thời gian chải răng, việc sử dụng nước súc miệng,... là có ý nghĩa thống kê [5]. Bên cạnh đó, việc lựa chọn các sản phẩm chăm sóc răng miệng phù hợp cũng đóng một vai trò quan trọng trong việc cải thiện sức khỏe và ngăn ngừa các bệnh răng miệng. Tuy nhiên, vấn đề phổ biến nhất mà mọi người phải đối mặt hiện nay là làm thế nào lựa chọn được sản phẩm chăm sóc răng miệng phù hợp trước thực trạng thị trường đa dạng sản phẩm và thông tin quảng bá từ các kênh truyền thông [4].

Sinh viên khoa Răng Hàm Mặt là nhóm đối tượng đặc biệt có nhu cầu hiểu biết về chăm sóc răng miệng. Cùng với đó, những sinh viên năm thứ nhất, thứ hai và thứ ba vẫn còn mới mẻ với kiến thức và việc thực hành chăm sóc răng miệng đúng đắn. Tuy nhiên, những năm gần đây có rất ít nghiên cứu khảo sát kiến thức về việc sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng để từ đó có kế hoạch dự phòng, khuyến cáo, giáo dục có hiệu quả hơn trong tương lai. Vì vậy, đề tài được thực hiện với hai mục tiêu: (1) Đánh giá kiến thức về các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt ba năm đầu trường Đại học Y Dược Cần Thơ niên khóa 2022 – 2023; (2) Xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố liên quan đến việc lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên Răng Hàm Mặt ba năm đầu trường Đại học Y Dược Cần Thơ niên khóa 2022 – 2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Sinh viên năm 1, 2, 3 - Khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm học 2022 – 2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Sinh viên năm 1, 2, 3 - Khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược Cần Thơ quan tâm đến vấn đề chăm sóc sức khỏe răng miệng; có nhu cầu tìm kiếm và sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng phù hợp, hiệu quả với bản thân.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Sinh viên không trả lời đầy đủ phiếu khảo sát.

- **Thời gian và địa điểm nghiên cứu:** Khoa Răng Hàm Mặt trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022 – 2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Phương pháp nghiên cứu mô tả cắt ngang có phân tích.

- **Cỡ mẫu nghiên cứu:** Chọn cỡ mẫu là 385 sinh viên, cỡ mẫu thực tế nghiên cứu là 400 sinh viên bằng cách chọn mẫu thuận tiện.

- **Nội dung nghiên cứu:**

Kiến thức về việc sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng: tỷ lệ % sinh viên có kiến thức đúng hoặc sai về việc sử dụng các sản phẩm.

Các yếu tố liên quan đến việc quyết định sử dụng và gây trở ngại đến việc lựa chọn các sản phẩm chăm sóc răng miệng: nhận thức cá nhân, tình trạng răng miệng, điều kiện kinh tế, yếu tố gia đình, bác sĩ gợi ý, truyền thông quảng cáo.

- **Phương pháp xử lý và phân tích số liệu:**

Phỏng vấn sinh viên bằng bộ câu hỏi tự điền được xây dựng dưới sự hướng dẫn của thầy thuốc chuyên khoa Răng Hàm Mặt. Số liệu sau khi thu thập được nhập liệu bằng phần mềm Excel và phân tích bằng phần mềm SPSS 20.0. Sử dụng test thống kê Chi bình phương.

Cách đánh giá để tính điểm: Đánh giá mức độ kiến thức của sinh viên dựa vào kết quả như sau:

Tốt: Trả lời đúng $\geq 12/15$ câu ($\geq 80\%$ số câu hỏi).

Trung bình: Trả lời đúng từ 8/15 đến 11/15 câu hỏi (50% – 79% số câu hỏi).

Kém: Trả lời đúng $\leq 7/15$ câu hỏi ($< 50\%$ số câu hỏi).

Người tham gia nghiên cứu thực hiện khảo sát đánh giá phân loại thông qua biểu mẫu câu hỏi được gửi qua tài khoản email cá nhân. Những người đã tham gia vào việc tiến hành khảo sát sau khi hoàn thành không được biết đáp án câu hỏi.

- **Đạo đức trong nghiên cứu:** Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức về tôn trọng lợi ích, nguyện vọng và công bằng đối với mỗi đối tượng tham gia. Nghiên cứu đã được thông qua hội đồng đạo đức Trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung

Bảng 1. Đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Đặc điểm		Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Năm	1	119	29,8
	2	138	34,5
	3	143	35,7

Nhận xét: Sinh viên năm 1 chiếm tỷ lệ cao nhất 35,7%, sinh viên năm 2 chiếm tỷ lệ 34,5%, còn lại là sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ 29,8%.

3.2. Kiến thức sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên

Bảng 2. Kiến thức sử dụng bàn chải đánh răng của sinh viên

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Tần suất chải răng tối thiểu trong một ngày là?		
1 lần	14	3,5
2 lần	338	84,5
3 lần	45	11,2

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 70/2024

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
4 lần	3	0,8
Thời gian tối thiểu cho một lần chải răng là bao nhiêu?		
1 phút	70	17,5
2 phút	191	47,8
3 phút	105	26,2
4 phút	34	8,5
Thời điểm thay bàn chải đánh răng?		
Mỗi 1 – 2 tháng/lần	82	20,5
Mỗi 3 – 4 tháng/lần	238	59,5
Mỗi 5 – 6 tháng/lần	74	18,5
Mỗi 12 tháng/lần	6	1,5

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên lựa chọn chải răng tối thiểu 2 lần/ngày khá cao (chiếm 84,5%). Có 47,8% sinh viên biết được thời gian tối thiểu cho một lần chải răng là 2 phút và 59,5% sinh viên thay bàn chải mỗi 3 – 4 tháng/lần.

Bảng 3. Kiến thức sử dụng kem đánh răng của sinh viên

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Lượng kem đánh răng nên dùng trong một lần chải răng bằng?		
Chiều dài bề mặt lông bàn chải	186	46,5
Một hạt đậu	166	41,5
Ít hơn một hạt đậu	5	1,2
Một lượng bất kỳ	43	10,8
Sử dụng kem đánh răng có chứa Fluor giúp:		
Bảo vệ men răng khỏi sâu răng, nhưng không kiểm soát được xoang sâu đã phát triển	145	36,2
Kết hợp men răng tạo tinh thể muối khoáng apatite có khả năng đề kháng sâu răng cao hơn	194	48,5
Nồng độ Fluor càng cao càng giúp ngăn cản sự phát triển của vi khuẩn	23	5,8
Có hiệu quả ngăn ngừa sâu răng rất cao ở trung, rãnh mặt nhai của răng	38	9,5

Nhận xét: Số sinh viên sử dụng lượng kem đánh răng bằng một hạt đậu là 41,5% và có 48,5% sinh viên biết được tác dụng của Fluor trong kem đánh răng.

Bảng 4. Kiến thức sử dụng nước súc miệng của sinh viên

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Số lần dùng nước súc miệng trong ngày?		
1 lần	197	49,3
2 – 3 lần	190	47,5
4 – 5 lần	9	2,2
6 – 7 lần	4	1,0
Thời gian cho một lần súc miệng?		
30 giây – 1 phút	295	73,8
1 phút – 2 phút	86	21,5
3 phút – 4 phút	13	3,2
4 phút – 5 phút	6	1,5
Thời điểm sử dụng nước súc miệng?		
Sau mỗi lần chải răng	220	55,0
Vào buổi sáng	56	14,0
Vào buổi trưa	41	10,3

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 70/2024

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Vào buổi tối	83	20,8
Nước súc miệng chứa chất nào sau đây có tác dụng sát khuẩn?		
Sorbitol	40	10,0
Chlorhexidine	132	33,0
Flour	216	54,0
Canxi hydroxit	12	3,0

Nhận xét: Về sử dụng nước súc miệng, có 47,5% sinh viên dùng 2 – 3 lần/ngày và có 73,8% sinh viên súc miệng trong 30 giây – 1 phút. Số sinh viên sử dụng sau mỗi lần chải răng là 55% và số sinh viên biết được thành phần sát khuẩn trong nước súc miệng là 33%.

Bảng 5. Kiến thức sử dụng chỉ nha khoa của sinh viên

Nội dung phỏng vấn kiến thức	Số lượng (n)	Tỷ lệ (%)
Thao tác sử dụng chỉ nha khoa nào sau đây là đúng?		
Đặt chỉ nha khoa vào đáy rãnh nướu, sau đó chà nhẹ nhàng và trượt lên xuống vào kẽ răng	194	48,5
Đặt chỉ tiếp xúc với nướu, di chuyển dọc theo thân răng và cong theo độ lồi ở mặt tiếp cận của răng	179	44,8
Khi chỉ qua tiếp điểm giữa hai răng nên ép về phía rãnh nướu	17	4,2
Kéo chỉ theo chiều ngoài trong của răng để không gây mòn răng	10	2,5
Mục đích chính của việc sử dụng chỉ nha khoa hằng ngày là gì?		
Khắc phục tình trạng hơi thở có mùi	16	4,0
Loại bỏ mảng bám vi khuẩn khỏi bề mặt răng gần kẽ	326	81,5
Loại bỏ vết ô vàng trên bề mặt răng	4	1,0
Giảm viêm nướu và chảy máu chân răng	54	13,5
Tại sao chỉ nha khoa được khuyên dùng hơn tăm xỉa răng?		
Chỉ nha khoa loại bỏ được các mảng bám ở tất cả các bề mặt của răng	141	35,3
Tăm xỉa răng có nguy cơ cao gây mòn chân răng, tụt nướu	200	50,0
Chỉ nha khoa lấy được thức ăn thừa, hoàn toàn thay thế được bàn chải đánh răng	18	4,5
Chỉ nha khoa đảm bảo vệ sinh hơn tăm xỉa răng	41	10,2

Nhận xét: Có 48,5% sinh viên sử dụng chỉ nha khoa đúng cách, 81,5% sinh viên biết đúng mục đích sử dụng chỉ nha khoa và 50% sinh viên biết được lý do chỉ nha khoa được khuyên dùng hơn tăm xỉa răng.

Bảng 6. Phân bố mức độ kiến thức về sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của các nhóm sinh viên

Biến số	46		47		48		Tổng		p	
	n	%	n	%	n	%	n	%		
Mức độ	Kém	33	21,3	47	80,3	75	48,4	155	38,7	0,000*
	Trung bình	69	31,7	83	38,1	66	30,2	218	54,5	
	Tốt	17	63,0	8	29,6	2	7,4	27	6,8	
Tổng								400	100	

*Kiểm định Chi bình phương

Nhận xét: Tỷ lệ sinh viên có mức độ kiến thức tốt về sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng (trả lời đúng $\geq 12/15$ câu) chiếm 6,8% trong tổng số. Sinh viên khóa 46 chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các sinh viên đạt mức độ kiến thức tốt với 63%. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

3.3. Về các yếu tố liên quan đến lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng

Bảng 7. Mức độ ảnh hưởng của một số yếu tố đến việc lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng

Yếu tố	Mức độ	Không	Ít	Vừa	Nhiều	Rất nhiều
Mẫu mã	n	16	62	213	90	19
	%	4,0	15,5	53,2	22,5	4,8
Đặc tính	n	4	22	142	166	66
	%	1,0	5,5	35,5	41,5	16,5
Thương hiệu	n	9	30	163	160	38
	%	2,2	7,5	40,8	40,0	9,5
Chi phí	n	6	26	200	131	37
	%	1,5	6,5	50,0	32,7	9,3
Tình trạng răng miệng	n	52	54	114	117	63
	%	13,0	13,5	28,5	29,3	15,7
Lời khuyên của nha sỹ	n	22	30	128	150	70
	%	5,5	7,5	32,0	37,5	17,5
Kinh nghiệm	n	12	38	206	123	21
	%	3	9,5	51,5	30,8	5,2
Truyền thông	n	22	58	213	91	16
	%	5,5	14,5	53,3	22,7	4,0

Nhận xét: Đa số các yếu tố có mức độ ảnh hưởng vừa đến lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên, trong đó có các yếu tố mẫu mã (53,2%), thương hiệu (40,8%), chi phí (50,0%), kinh nghiệm (51,5%), truyền thông (53,3%).

IV. BÀN LUẬN

4.1. Về đặc điểm chung của đối tượng nghiên cứu

Qua nghiên cứu, chúng tôi nhận thấy sinh viên năm 1 chiếm tỷ lệ cao nhất 35,7%, sinh viên năm 2 chiếm tỷ lệ 34,5%, còn lại là sinh viên năm 3 chiếm tỷ lệ 29,8%.

4.2. Kiến thức sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên

Qua nghiên cứu, đa số sinh viên có kiến thức tốt về sử dụng bàn chải đánh răng. Cụ thể là có 84,5% tỷ lệ sinh viên lựa chọn chải răng tối thiểu 2 lần/ngày. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều sinh viên không biết thời gian tối thiểu cho mỗi lần chải răng là 2 phút/lần (52,2%) và chưa nhận thức được tầm quan trọng khi thay bàn chải đánh răng định kỳ mỗi 3 – 4 tháng/lần (40,5%).

Về sử dụng kem đánh răng, có đến 46,5% sinh viên lấy một lượng kem bằng chiều dài bề mặt lông bàn chải và phần lớn sinh viên chưa biết được lợi ích thật sự khi sử dụng kem đánh răng có chứa Fluor (51,5%).

Về sử dụng nước súc miệng, có 47,5% sinh viên dùng 2 – 3 lần/ngày và có 73,8% sinh viên súc miệng trong 30 giây – 1 phút. Số sinh viên sử dụng nước súc miệng sau mỗi lần chải răng là 55% và số sinh viên biết được thành phần sát khuẩn trong nước súc miệng vẫn còn khá ít là 33%.

Về sử dụng chỉ nha khoa, có 48,5% sinh viên sử dụng chỉ nha khoa đúng cách. Số lượng sinh viên biết đúng mục đích sử dụng chỉ nha khoa khá cao là 81,5% sinh viên, và 50% sinh viên biết được lý do chỉ nha khoa được khuyên dùng hơn tăm xỉa răng.

Khi tính tổng điểm kiến thức về sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng ở đối tượng nghiên cứu với tổng số 15 câu hỏi, kết quả cho thấy số sinh viên có kiến thức ở mức trung bình chiếm tỷ lệ cao 54,5%. Sinh viên khóa 46 chiếm tỷ lệ cao nhất trong tổng số các sinh viên đạt mức độ kiến thức tốt với 63%. Sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê với $p < 0,001$.

4.3. Về các yếu tố liên quan đến lựa chọn sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng

Việc lựa chọn sản phẩm chăm sóc răng miệng của sinh viên còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố mang tính thương mại. Trong đó, yếu tố chi phí có mức độ ảnh hưởng khá cao là 92% do nghiên cứu hiện tại được thực hiện trên sinh viên, chưa hoàn toàn độc lập về mặt kinh tế.

Bên cạnh đó, yếu tố kinh nghiệm cũng có mức độ ảnh hưởng đặc biệt với 87,5% lựa chọn ảnh hưởng từ vừa đến rất nhiều. Điều này có thể xuất phát từ bối cảnh xã hội Việt Nam còn phụ thuộc sâu sắc vào các yếu tố truyền thống. Đây là kết quả phù hợp với một số nghiên cứu trước đây. [7]

Vì khảo sát được thực hiện trên sinh viên chuyên ngành Răng Hàm Mặt nên đặc tính và lời khuyên của nha sĩ cũng góp phần ảnh hưởng khá nhiều (lần lượt là 93,5% và 87% đánh giá ảnh hưởng từ vừa đến rất nhiều). Đáng ngạc nhiên là, mức độ ảnh hưởng của yếu tố tình trạng răng miệng lại có sự phân bố tương đối đồng đều từ không ảnh hưởng đến ảnh hưởng rất nhiều. Trong đó, yếu tố này có tỉ lệ không/ít ảnh hưởng cao nhất so với tất cả các yếu tố còn lại được khảo sát, với 26,5%. Tuy nhiên, có thể do đang ở độ tuổi chưa gặp nhiều vấn đề răng miệng đã khiến các sinh viên tham gia trả lời ít bị ảnh hưởng.

V. KẾT LUẬN

Các sinh viên năm 3 đã được tiếp xúc với các môn cơ sở ngành có kiến thức tốt hơn về việc sử dụng các sản phẩm chăm sóc răng miệng. Tuy nhiên, tỷ lệ sinh viên có kiến thức ở mức độ trung bình vẫn chiếm đa số (54,5%) do chưa nắm vững về thực hành cũng như đặc tính của từng loại trong bộ chăm sóc răng miệng toàn diện cơ bản. Nghiên cứu cũng chỉ ra các yếu tố mang tính thương mại ảnh hưởng rất nhiều đến việc lựa chọn sản phẩm chăm sóc răng miệng của các sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đào Lê Nam Trung, Đào Thị Dung, Tạ Thúy Loan. Thực trạng sức khỏe răng miệng và kiến thức, thái độ, hành vi về chăm sóc sức khỏe răng miệng của học sinh lớp 5 trường tiểu học Tiên Dương - Đông Anh, Hà Nội. *Tạp chí Y học thực hành*. 2010. doi:10.52852/tencyh.v160i12V2.1263.
2. Archana S., Jagat S. Factors influencing choice of oral hygiene products used among the population of Udaipur, India. *International Journal of Dental Clinics*. 2010. 2(2), doi: <https://doi.org/10.22271/oral.2021.v7.i2b.1192>.
3. Amit A., Ankita G. Exploring the factors influencing the choice of oral care products: A review on personalized approach. *Int. J. Oral Dent. Health*. 2020. 6(2), doi:10.23937/2469-5734/1510109.
4. Junaid A. B., Khan M. I., Mansoori M. U., Zameer M. and Ali S. J. To identify various parameters leading to the growth of dental care products in Indian market. *IOSR-JBM*. 2012. 4, 4-12. doi:10.9790/487X-0430412.
5. Trịnh Minh Báu, Hồng Thúy Hạnh, Nguyễn Thị Khánh Huyền, Đỗ Sơn Tùng, Phùng Lâm Tới và cộng sự. Một số yếu tố liên quan đến thực trạng sâu răng của sinh viên năm thứ nhất Trường Đại học Y Hà Nội năm học 2020-2021. *Tạp chí Nghiên cứu Y học*. 2022. 151(3), 170-178. doi:10.52852/tencyh.v151i3.633.
6. Bùi Thị Thu Hiền, Đinh Xuân Thành, Trần Văn Tiến. Kiến thức, thái độ, thực hành chăm sóc răng miệng của học sinh tại trường Trung học cơ sở Bồng Sơn, huyện Hoài Nhơn, tỉnh Bình Định năm 2019. *Journal of 108-Clinical Medicine*. 2020. 114-122, doi:10.52852/tencyh.v160i12V2.1263.

7. Umanah A. U., Braimoh O. B. Oral hygiene practices and factors influencing the choice of oral hygiene materials among undergraduate students A Toàn the University of Port Harcourt, Rivers State, Nigeria. *Journal of Dental and Allied Sciences*. 2017. 6, 3-7, doi:10.4103/2277-4696.205440.

KHẢO SÁT TÌNH HÌNH BIẾN CHỨNG NÃO CẤP VÀ MỘT SỐ YẾU TỐ LIÊN QUAN Ở BỆNH NHÂN ĐỘT QUỴ NHỒI MÁU NÃO TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG ƯƠNG CẦN THƠ

Nguyễn Vũ Hiền¹, Nguyễn Thanh Tân², Ngô Hoàng Toàn¹,
Đặng Duy Thanh¹, Lê Văn Minh^{1*}

1. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ

2. Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ

*Email: lvminh@ctump.edu.vn

Ngày nhận bài: 11/11/2023

Ngày phản biện: 08/01/2024

Ngày duyệt đăng: 25/01/2024

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Các biến chứng não cấp là các biến chứng nguy hiểm, làm nặng nề thêm tình trạng đột quỵ não, kéo dài thời gian nằm viện và tăng tỷ lệ tử vong. **Mục tiêu nghiên cứu:** Khảo sát tỷ lệ biến chứng não cấp và một số yếu tố liên quan ở bệnh nhân nhồi máu não tại Bệnh viện Đa khoa Trung ương Cần Thơ. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang trên 76 đối tượng bệnh nhân nhồi máu não. Tất cả bệnh nhân được hỏi bệnh, khám lâm sàng, đánh giá thang điểm NIHSS và chụp CTScan sọ não. **Kết quả:** Tỷ lệ biến chứng não cấp chung là 46,05% trong đó biến chứng chuyển dạng xuất huyết, động kinh và phù não có tỷ lệ lần lượt là 15,8%, 3,9% và 38,2%. Trong số bệnh nhân có biến chứng chuyển dạng xuất huyết thì có 3 bệnh nhân là có triệu chứng chiếm tỷ lệ là 3,9%. Có sự liên quan giữa phân nhóm điểm NIHSS lúc nhập viện và biến chứng não cấp. Cụ thể, ở nhóm bệnh nhân có điểm NIHSS lúc nhập viện là từ 5 trở lên thì tỷ lệ xuất hiện các biến chứng não cấp là cao hơn, và sự khác biệt này là có ý nghĩa về mặt thống kê với $p < 0,001$. **Kết luận:** Các biến chứng não cấp chiếm tỷ lệ tương đối cao sau nhồi máu não và có mối liên quan với điểm NIHSS lúc nhập viện.

Từ khóa: Nhồi máu não, biến chứng não cấp, NIHSS.

ABSTRACT

SURVEY ON ACUTE NEUROLOGICAL COMPLICATIONS AND RELATED FACTORS IN ISCHEMIC STROKE PATIENTS AT CAN THO CENTRAL GENERAL HOSPITAL

Nguyen Vu Hien¹, Nguyen Thanh Tan², Ngo Hoang Toan¹,
Dang Duy Thanh¹, Le Van Minh^{1*}

1. Can Tho University of Medicine and Pharmacy

2. Can Tho General Hospital

Background: Acute brain complications are dangerous complications that aggravate stroke, prolong hospital stay and increase mortality. **Objectives:** To determine the rate of acute neurological complications and some related factors in patients with ischemic stroke at Can Tho